TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2017/DS-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thống;
Bà Lê Thị Đố Nữ.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Ánh, là thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2016/TLST– DS ngày 05 tháng 10 năm 2016 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2017/QĐST-HN ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1963;
Địa chỉ: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tấn N, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt);
Cùng hộ khẩu thường trú: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1950 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Ông Phan Cường Q, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có ông V trình bày:* Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2016, bà Đ có yêu cầu ông N, bà L trả tổng công 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng) tiền vốn vay; Nhưng sau đó đến ngày 10/10/2016 bà Đ có đơn rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông N và bà L trả số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) theo hợp đồng vay và thế chấp tài sản lập tại phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/11/2011, số công chứng 21154 và 21155 và tiền lãi của số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), tính từ ngày 02/11/2011 đến khi giải quyết vụ án, tính lãi theo quy định của pháp luật; Ngoài ra yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông N và bà L.

* Bị đơn ông N và bà L, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà K, bà D và ông Q có đơn xin vắng mặt và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Tại phiên tòa:*

- Phía bà Đ yêu cầu ông N và bà L trả số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 02/11/2011 đến ngày 08/9/2017 là (70 tháng 06 ngày x 1%/tháng = 2.106.000.000 đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với ông N và bà L; Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2017 và Quyết định Phong tỏa tài khoản số 13.1/2017/TA-QBT ngày 14/6/2017, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

- Bị đơn ông N và bà L, không có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết vụ án, chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Nguyên đơn bà Trương Thị Đ có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông N và bà L. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn ông N và bà L, trong vụ án đã được toà án tống đạt hợp lệ, nhưng ông và bà không có mặt để tham dự phiên toà; Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

là bà K, bà D và ông Q có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên, tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

- Theo hợp đồng vay và thế chấp tài sản giữa bà Đ với ông N, bà L được ký, tại phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/11/2011, số công chứng 21154 và 21155; Thể hiện ông N, bà L có vay và còn nợ bà Đ số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Sau đó phía bà Đ có đến yêu cầu ông N, bà L trả tiền nhiều lần vốn và lãi, nhưng ông N và bà L cố tình trốn tránh không trả tiền; Việc ông N, bà L cố tình trốn tránh không trả nợ, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Ngoài ra tại phiên tòa ông N, bà L cũng cố tình vắng mặt, mặc dù đã được làm thủ tục thông báo tống đạt hợp lệ, như vậy là mặc nhiên ông N, bà L đã thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ; Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc ông N, bà L trả cho bà số tiền vốn vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tiền lãi bà Đ tính buộc ông N, bà L trả từ ngày 02/11/2011 đến ngày 08/9/2017 của số tiền vốn 3.000.000.000 đồng là (70 tháng 06 ngày x 1%/tháng = 2.106.000.000 đồng), việc yêu cầu tính lãi của bà Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Việc bà Đ có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N và bà L trả cho bà số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), việc rút lại một phần yêu cầu này, là có lợi cho phía bị đơn và cũng phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tại phiên tòa, phía bà Đ rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với ông N và Lài; việc rút lại yêu cầu này là đúng với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Còn yêu cầu của bà Đ, về việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2017, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân về việc Phong tỏa tài sản là Thửa đất số 57^{-304}, tờ bản đồ số 07, diện tích 78 m^2 tọa lạc Thị Đrấn An Lạc, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh (nay tại địa chỉ phường An Lạc, quận Bình Tân), theo số phát hành GCN QSDĐ: Số R 250877, Hồ sơ gốc số: 00695/4bQSDĐ/1822/UB; Số vào sổ 1822/UB ngày 30/6/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho bà Nguyễn Thị L; Yêu cầu này là có cơ sở, bởi vì tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên, là để đảm bảo thi hành án và nghĩa vụ trả nợ, do đó Hội đồng xét xử cũng chấp nhận yêu cầu này của bà Đ. Ngoài ra, Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Quyết định Phong tỏa tài khoản số 13.1/2017/TA-QBT ngày 14/6/2017, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, để bảo đảm việc thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Căn nhà số , quận Bình Tân là của ông N, bà L có thế chấp để vay tiền của bà Đ (nhưng không có đăng ký tài sản thế chấp bảo đảm theo đúng quy định); Sau đó bà Kính là người mua căn nhà ở trên, để cho bà D và ông Q trực tiếp ở. Tuy nhiên tại phiên tòa phía bà Đ cũng không có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của căn nhà trên; Ngoài ra bà K,

bà D và ông Q cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này; Do đó Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

** Về án phí:*

- Bà L, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, của yêu cầu bà Đ được chấp nhận là 113.106.000 đồng;

- Bà Trương Thị Đ được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ;

Buộc ông Đỗ Tấn N và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho bà Trương Thị Đ số tiền 5.106.000.000 đồng (năm tỷ một trăm lẽ sáu triệu đồng). Trả làm một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Đình chỉ việc rút một phần đơn khởi kiện của bà Trương Thị Đ, theo đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 10/10/2016;

Đình chỉ yêu cầu của bà Trương Thị Đ, về việc xử lý tài sản thế chấp của ông Đỗ Tấn N và bà Nguyễn Thị L;

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2017 và Quyết định Phong tỏa tài khoản số 13.1/2017/TA-QBT ngày 14/6/2017, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân;

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền;

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N và bà L chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông, bà còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Ông Đỗ Tấn N và bà Nguyễn Thị L phải chịu 113.106.000 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm lẽ sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Trương Thị Đ số tiền 62.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí, đã nộp theo biên lai thu số 0945 ngày 05/10/2016, của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bà Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà L, ông N, bà K, bà D và ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Việt Hải